TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/DS-PT
Ngày 19-9-2025
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo dỡ tài sản trên đất lấn chiếm"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phi Long
Các thẩm phán: Ông Phùng Chí Thiện và ông Nguyễn Ngọc Phương
- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Hải Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 19/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 12/2025/TLPT- DS ngày 30 tháng 5 năm 2025 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo dỡ tài sản trên đất lấn chiếm"* do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 22/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lào Cai) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 71/2025/QĐ-PT ngày 28/7/2025, quyết định hoãn phiên tòa số 81/2025/QĐ-PT ngày 14/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Xuân L (Tên gọi khác: Phạm Văn X), sinh năm 1965 và bà Đào Thị Kim H, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, thành phố L, Lào Cai (nay là thôn H, xã G, tỉnh Lào Cai)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đào Thị Kim H: Ông Phạm Xuân L. (Ông L, bà H đều có mặt).

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn S, sinh năm 1961 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, thành phố L, Lào Cai (nay là thôn H, xã G, tỉnh Lào Cai) (Ông S có mặt, bà T vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phương Ngọc D. Địa chỉ: Số A Q, tổ dân phố B, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (nay là Số A Q, tổ dân phố B, phường N, tỉnh Đắk Nông) (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Phạm Xuân L và bà Đào Thị Kim H trình bày:

Năm 1991, gia đình ông Phạm Xuân L và Đào Thị Kim H được hợp tác xã H3, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai giao cho 01 diện tích đất rộng khoảng 1400m² tại thôn H, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là thôn H, xã G, tỉnh Lào Cai). Đất có đặc điểm như sau: chiều ngang mặt đường (H - T) là 16m chạy sâu vào phía trong khoảng hơn 80m, một bên giáp với đất của ông Phạm Văn H1 (chiều ngang khoảng 21m) và 1 bên giáp với đất của ông Phạm Văn T1 (chiều ngang khoảng 16m). Toàn bộ 3 thửa đất này trước đây của đơn vị Tiểu đoàn 11, sư đoàn C đóng quân có tổng chiều ngang mặt đường là 53m (một bên giáp ngõ đi chung nhà ông Vũ Hồng S1, một bên giáp đất nhà ông Tuấn P). Cả 3 gia đình đều sử dụng ổn định, có ranh giới rõ ràng và không xảy ra tranh chấp. Năm 1997, các hộ đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1998, ông Phạm Văn H1 chuyển nhượng toàn bộ thửa đất cho gia đình ông Hoàng Văn S, bà Phạm Thị T cùng thôn. Từ khi ông S sử dụng đến tháng 6/2023, các hộ đều sử dụng ổn định không có tranh chấp, ranh giới đều rõ ràng. Khoảng năm 2018 ông S xây nhà về phía mặt đường, cả hai gia đình đã mời địa chính xã đến xác định lại ranh giới và thống nhất để ông S xây nhà sát với ranh giới sử dụng ổn định từ khi nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn H1. Đến đầu tháng 6 năm 2023, ông S đã rào sang đất của nhà ông Phạm Xuân L và bà Đào Thị Kim H chiều mặt đường 3m chạy sâu vào hết thửa đất với diện tích khoảng hơn 100m². Lý do ông Sáu R sang đất nhà ông Phạm Xuân L và bà Đào Thị Kim H là do ông Phan Văn D1 cán bộ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lào Cai giao mốc giới. Ông Phạm Xuân L được biết vào khoảng năm 2005, ông S kiện ông Vũ Văn M (con của ông Vũ Hồng S1) về diện tích giáp ngõ đi chung. Sau khi giải quyết, Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tuyên ông S thắng kiện và sử dụng 21m mặt đường từ ngõ đi chung đến giáp đất nhà ông Phạm Xuân L và bà Đào Thị Kim H hoàn toàn đúng với hiện trạng sử dụng trước khi ông Phạm Văn H1 chuyển nhượng.

Nay ông Phạm Xuân L và bà Đào Thị Kim H đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai giải quyết buộc hộ ông Hoàng Văn S và bà Phạm Thị T tháo dỡ toàn bộ cột bê tông và lưới sắt B40 trên đất của gia đình ông Phạm Xuân L, bà Đào Thị Kim H để trả lại hiện trạng sử dụng đất ổn định như ban đầu cụ thể là trả lại cho ông Phạm Xuân L, bà Đào Thị Kim H diện tích 182,2m² đất đang rào lại chiếm giữ trên các thửa đất số 317 và thửa đất số 318 tờ bản đồ P5-20, tại thôn H, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn ông Hoàng Văn S và bà Phạm Thị T trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất gia đình ông Hoàng Văn S, bà Phạm Thị T đang sử dụng là do năm 1998, gia đình ông Hoàng Văn S, bà Phạm Thị T nhận chuyển nhượng lại toàn bộ quyền sử dụng đất của ông Phạm Văn H1 (tên gọi khác là Phạm Đình H2) và bà Nguyễn Thị Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2005, sau khi xảy ra tranh chấp diện tích đất phần giáp lối đi chung với gia đình ông Vũ Văn B được Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giải quyết, gia đình ông Hoàng Văn S, bà Phạm Thị T đã thực hiện việc sang tên người sử dụng đất từ ông Phạm Đình H2 sang tên người sử dụng đất là ông Hoàng Văn S và bà Phạm Thị T. Gia đình ông Hoàng Văn S, bà Phạm Thị T đã sử dụng ổn định từ đó đến nay theo mốc giới các hộ gia đình quản lý như hiện trạng, không có tranh chấp. Khi ông Hoàng Văn S, bà Phạm Thị T nhận chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất, đã được ông Phạm Đình H2 giao đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn S, bà Phạm Thị T đi làm thủ tục sang tên. Gia đình ông Hoàng Văn S, bà Phạm Thị T đã xây dựng nhà ở ổn định. Việc ông Hoàng Văn S, bà Phạm Thị Thuận R1 lại diện tích đất 182,2m² theo biên bản xem xét thẩm định ngày 07/3/2024 của Toà án nhân dân thành phố Lào Cai là do tháng 5 năm 2023 gia đình ông Hoàng Văn S, bà Phạm Thị T có nhu cầu tách thửa đất cho con trai, ông Hoàng Văn S đã ký hợp đồng đo đạc lại đất để tách thửa với trung tâm đo đạc đất đai của tỉnh Lào Cai. Ngày 19/5/2023 ông Phan Văn D1 cán bộ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh L thực hiện đo đạc và bàn giao mốc giới cho gia đình ông Hoàng Văn S, bà Phạm Thị T theo đúng số liệu mốc giới diện tích đất đã được ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên ông Hoàng Văn S, bà Phạm Thị T mới rào lại phần đất gia đình ông Phạm Xuân L, bà Đào Thị Kim H đang sử dụng dẫn đến xảy ra tranh chấp. Nay ông Phạm Xuân L, bà Đào Thị Kim H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai giải quyết buộc ông Hoàng Văn S và bà Phạm Thị T tháo dỡ toàn bộ cột bê tông và lưới sắt B40 trên đất của gia đình ông L, bà T để trả lại hiện trạng như ban đầu thì ông S, bà T không đồng ý vì diện tích đất trên là do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định, thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Hoàng Văn S, bà Phạm Thị T.

Bản án sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 22/4/2025 của TAND huyện thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai đã xét xử: Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 164 Bộ luật dân sự; khoản 5 Điều 98; điểm b khoản 1 Điều 106; Điều 166; Điều 170, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Xuân L (Tên gọi khác Phạm Văn X) và bà Đào Thị Kim H.

Buộc ông Hoàng Văn S và bà Phạm Thị T trả lại cho ông Phạm Xuân L (tên gọi khác Phạm Văn X) và bà Đào Thị Kim H diện tích đất 182,2m² đất đang rào lại chiếm giữ trên các thửa đất số 317 và thửa đất số 318 tờ bản đồ P5-20, tại thôn H, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Buộc ông Hoàng Văn S và bà Phạm Thị T phải tháo dỡ toàn bộ hàng rào cột bê tông và lưới sắt B40 trên thửa đất số 317 và thửa đất số 318 tờ bản đồ P5-20, tại thôn H, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai của ông Phạm Xuân L (tên gọi khác Phạm Văn X) và bà Đào Thị Kim H.

2. Kiến nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh L thực hiện thủ tục đính chính đối với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 317; 318 tờ bản đồ P5-20, mang tên chủ sử dụng đất là hộ ông Phạm Xuân L (tên gọi khác Phạm Văn X), bà Đào Thị Kim H và thửa đất số 334; 335 tờ bản đồ P5-20, mang tên chủ sử dụng đất là hộ ông Hoàng Văn S, bà Phạm Thị T, tại thôn H, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

Ngày 09/5/2025, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Phương Ngọc D kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn S, bà Phạm Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 22/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lào Cai).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra xem xét đầy đủ, toàn diện tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các chứng cứ và yêu cầu của các bên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Phương Ngọc D có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, nộp trong thời hạn luật định, là hợp lệ.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Về nguồn gốc diện tích đất của nguyên đơn và bị đơn:

Diện tích đất của nguyên đơn ông L, bà H có nguồn gốc là đất được Hợp tác xã H3 giao năm 1991. Ngày 17/12/1997, nguyên đơn được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ đối với thửa số 142, tờ bản đồ P5-24, diện tích 354 m² và thửa số 72, tờ bản đồ P5-20, diện tích 1.400 m². Ngày 08/9/2017, nguyên đơn được cấp đổi GCNQSDĐ đối với các thửa đất trên. Ngày 21/1/2019, chi nhánh VPĐKĐ xác nhận đăng ký biến động do số hóa bản đồ đối với thửa số 72 từ 1.400 m² xuống còn 1.311,4 m². Ngày 29/01/2019, thửa số 72 được tách thành thừa số 317, diện tích 903.4 m² và thửa số 318, diện tích 408 m². Nguyên đơn sử dụng ổn định các thửa đất trên từ năm 1991 cho đến thời điểm xảy ra tranh chấp

Diện tích đất của bị đơn ông S, bà T có nguồn gốc từ nhận chuyển nhượng đất của ông Phạm Văn H1 từ năm 1998, gồm các thửa số 75, diện tích 1.700 m², và thửa số 76, diện tích 202 m². Ngày 16/9/2009, bị đơn được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số AQ 209057 đối với các thửa đất trên. Ngày 16/3/2020, Chi nhánh VPĐKĐ xác nhận đăng ký biến động thông tin thửa đất 75 do số hóa bản đồ, từ 1.700 m² xuống còn 1.661,2 m². Thửa số 75 sau đó được tách thành thửa số 334 diện tích 1.165,5 m² và thửa số 335 diện tích 495,7 m². Ngày 14/9/2022, bị đơn được cấp GCNQSDĐ đối với các thửa 76, 334, 335. Bị đơn sử dụng ổn định diện tích đất trên từ năm 1998 cho đến thời điểm xảy ra tranh chấp.

Như vậy, việc sử dụng đất của nguyên đơn và bị đơn là ổn định, liên tục, có ranh giới, mốc giới rõ ràng và không có tranh chấp trong thời gian dài cho đến năm 2024. Các đương sự thừa nhận sự việc này.

[2.2] Về diện tích đất tranh chấp

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/3/2024 đã xác định, hiện trạng sử dụng đất, các mốc giới sử dụng đất của nguyên đơn và bị đơn đã được xác định rõ ràng. Diện tích đất có tranh chấp là 182,2 m², gồm phần diện tích 91,9 m² nằm giữa thửa 334 và thửa 317; phần diện tích 90,3 m² nằm giữa thửa 335 và thửa 318.

Tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh từ tháng 5.2023 khi bị đơn mời đơn vị đo đạc chuyển tọa độ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra thực địa để phục vụ việc tách thửa. Sau khi chuyển mốc ra thực địa, bị đơn thấy diện tích đất của mình có một phần nằm sang đất của nguyên đơn nên đã rào lại bằng hàng rào cột bê tông và lưới sắt B40.

Hội đồng xét xử nhận định:

Về việc chuyển mốc ranh giới theo GCNQSDĐ: Cán bộ đo đạc tiến hành chuyển mốc ranh giới ra thực địa theo GCNQSDĐ cấp ngày 16/9/2009 đối với

thửa số 75, tờ bản đồ P5-20 cấp cho bị đơn ông Hoàng Văn S. Tuy nhiên, năm 2020, thửa đất số 75 đã được xác nhận lại về diện tích do số hóa bản đồ từ 1.700 m² xuống còn 1.661,2 m² và sau đó đã được tách thành các thửa số 334 và 335. Các thửa đất này đã được cấp GCNQSDĐ mới vào năm 2022. Do đó GCNQSDĐ được cấp năm 2009 đối với thửa số 75 đã không còn giá trị pháp lý để sử dụng làm căn cứ chuyển mốc giới ra thực địa.

Khoản 1 Điều 11 Thông tư 25/2014/BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T2 quy định: *"Trước khi đo vẽ chi tiết, cán bộ đo đạc phải phối hợp với người dẫn đạc (là công chức cấp xã hoặc cán bộ thôn, xóm, ấp, tổ dân phố... để được hỗ trợ, hướng dẫn việc xác định hiện trạng, ranh giới sử dụng đất) cùng với người sử dụng, quản lý đất liên quan đến tiến hành xác định ranh giới, mốc giới thửa đất trên thực địa, đánh dấu các đỉnh thửa đất bằng đinh sắt, vạch sơn, cọc bê tông, cọc gỗ và lập bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất để làm căn cứ thực hiện đo đạc ranh giới thửa đất".*

Quá trình đo đạc, cán bộ đo đạc không thực hiện đúng trình tự theo quy định trên. Tại biên bản làm việc ngày 22/8/2023, Văn phòng Đ cũng thừa nhận, khi thực hiện cắm mốc thực địa, cán bộ đo đạc đã phát hiện mốc nằm ngoài ranh giới hiện trạng khu đất của ông S đang sử dụng và có ảnh hưởng đến chủ sử dụng đất liền kề là ông L (X) nhưng không báo cáo Văn phòng đăng ký đất đai và chính quyền địa phương để xem xét, giải quyết. Như vậy có căn cứ xác định việc chuyển mốc giới ngày 19/5/2023 của cán bộ đo đạc Văn phòng đăng ký đất đai có sự sai sót, việc bị đơn căn cứ vào kết quả chuyển mốc này để xác định diện tích đất của mình, đồng thời thực hiện việc rào đất lại là không có cơ sở.

Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai đã tiến hành lấy lời khai của ông Phạm Văn H1 (là người chuyển nhượng đất cho bị đơn ông Hoàng Văn S, bà Phạm Thị T năm 1998). Theo lời khai của ông H1, diện tích đất ông H1 chuyển nhượng cho bị đơn là do ông H1 được Hợp tác xã H3 giao năm 1991. Từ khi nhận đất, ông H1 sử dụng ổn định, có mốc giới rõ ràng với hộ liền kề là hộ ông Phạm Văn L1. Năm 1998, ông H1 chuyển nhượng thửa 75, 76 cho ông S, bà T. Việc chuyển nhượng đất có mốc giới, ranh giới rõ ràng với thửa đất của hộ ông L1. Phía Đông - Nam của thửa đất 75, 76 giáp đường liên thôn H có chiều dài 21 m tính từ gốc cây vông ranh giới với đường đi nhà ông Vũ Hồng S1 (lời khai này phù hợp với sơ đồ kèm theo biên bàn xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/3/2024). Ngoài ra ông H1 cũng khẳng định việc ông S căn cứ vào mốc giới từ GCNQSDĐ để rào lại đất và tranh chấp với ông L1 là không đúng với thực tế sử dụng đất. Phần giáp ranh với phần đất của nhà ông Phạm Xuân L có hàng rào cây ô rô làm ranh giới, khi ông Hoàng Văn S và bà Phạm Thị T làm nhà năm 2018 đã phá bỏ hàng rào để xây nhà chính xác mốc giới giữa đất ông Phạm Đình H2 chuyển nhượng cho ông Hoàng Văn S và đất của nhà ông Phạm Xuân L. Lời khai của ông H2 là phù hợp với hiện trạng sử dụng đất của nguyên đơn, bị đơn, phù hợp với tường gạch cũ được xây làm

ranh giới được thể hiện trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/3/2024.

Bên cạnh đó, tại biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất ngày 10/02/2020 về việc tách thửa số 75 của bị đơn đã xác định, thửa đất số 75, tờ bản đồ P-20 có ranh giới rõ ràng, ổn định, không tranh chấp với các hộ liền kề. Mặt khác, tổng diện tích đất thửa 334, 335 ông S, bà T được cấp GCNQSDĐ là 1.661,2 m², trong khi đó diện tích ông S, bà T xác định tại thực địa là 1.867,3 m², là vượt quá diện tích đất được cấp CGNQSDĐ.

Từ những đánh giá phân tích nêu trên, xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đều đã sử dụng đất ổn định lâu dài, không có tranh chấp, ranh giới, mốc giới rõ ràng. Việc bị đơn tự ý rào sang đất của nguyên đơn là không đúng với hiện trạng sử dụng đất bị đơn đã nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn H1 năm 1998. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn S và bà Phạm Thị T là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Đối với kiến nghị của TAND thành phố Lào Cai đối với Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh L về việc: Thực hiện thủ tục đính chính đối với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Phạm Xuân L (tên gọi khác Phạm Văn X), bà Đào Thị Kim H và hộ ông Hoàng Văn S, bà Phạm Thị Thuận

Xét thấy, kiến nghị của TAND thành phố Lào Cai là có căn cứ. Trường hợp Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh L không thực hiện theo kiến nghị, đương sự có quyền khởi kiện vụ án hành chính để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

[3] Về án phí: Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận tuy nhiên bị đơn là người cao tuổi theo Luật người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn S và bà Phạm Thị T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 22/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lào Cai)

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Hoàng Văn S và bà Phạm Thị T được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND KV 6 – Lào Cai;
- VKSND KV 6 – Lào Cai;
- THADS tỉnh Lào Cai;
- Phòng THADS khu vực 6 – Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Phi Long